|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2021/NQ-HĐND | *Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2021* |

**DƯ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Một số cơ chế, chính sách hỗ trợ tạo nguồn lực xây dựng thành công tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2022-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ IV**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số …./TTr-UBND ngày …. tháng …. năm 2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung, tiêu chí xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022-2025.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, hộ gia đình, các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh liên quan đến các hoạt động trong phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều này.

**Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Các tổ chức, hộ gia đình, các cơ quan, đơn vị được thụ hưởng chính sách có trách nhiệm sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả và theo đúng quy định hiện hành.

2.Trong thời gian thực hiện Nghị quyết này, một nội dung nếu có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác) các tổ chức, cá nhân thụ hưởng được lựa chọn áp dụng 01 chính sách hỗ trợ có lợi nhất, trừ Điều 5 Nghị quyết này. Đối với cơ chế hỗ trợ kinh phí mua xi măng, ngân sách tỉnh không hỗ trợ các công trình ngoài kế hoạch UBND tỉnh giao đầu năm.

**Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

Ngân sách tỉnh đảm bảo, bố trí lồng ghép từ các nguồn vốn (Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn vốn hợp pháp khác) để thực hiện chính sách theo Nghị quyết này; riêng cơ chế hỗ trợ xi măng, ngoài ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện, cấp xã sử dụng từ nguồn thu tiền sử dụng đất và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện.

**CHƯƠNG II**

**CÁC CHÍNH SÁCH, CƠ CHẾ HỖ TRỢ**

**Mục 1**

**CHÍNH SÁCH, CƠ CHẾ CHUNG**

**Điều 4.** Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có đối tượng bảo trợ xã hội xây dựng công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp, đảm bảo; mức hỗ trợ tối đa 01 triệu đồng/hộ.

**Điều 5.** Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có đối tượng bảo trợ xã hội phá bỏ, di dời công trình vệ sinh 1 ngăn, 2 ngăn không hợp vệ sinh, xây dựng công trình vệ sinh tự hoại đảm bảo yêu cầu theo thiết kế mẫu của cơ quan có thẩm quyền ban hành; mức hỗ trợ tối đa 02 triệu đồng/hộ.

**Điều 6.** Xây dựng thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định của UBND tỉnh về việc ban hành bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; mức hỗ trợ 300 triệu đồng/khu.

**Điều 7.** Hỗ trợ kinh phí mua xi măng làm đường giao thông, rãnh thoát nước, kênh mương nội đồng đối với các xã:

1. Hỗ trợ kinh phí mua xi măng làm đường giao thông theo loại đường và quy chuẩn tối thiểu để đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định của UBND tỉnh, phù hợp với quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:

a) Đường trục xã, liên xã: Ngân sách tỉnh 85%; ngân sách cấp huyên, cấp xã 15%.

b) Đường trục thôn, liên thôn: Ngân sách tỉnh 55%; ngân sách cấp huyện, cấp xã 45%.

c) Đường ngõ xóm (có trong quy hoạch nông thôn mới xã): Ngân sách tỉnh 45%; ngân sách cấp huyện, cấp xã 55%.

d) Đường trục chính nội đồng: Ngân sách tỉnh 85%; ngân sách cấp huyện, cấp xã 15%.

2. Hỗ trợ kinh phí mua xi măng làm rãnh thoát nước:

a) Rãnh thoát nước trên đường trục xã, liên xã: Ngân sách tỉnh 85%; ngân sách cấp huyện, cấp xã 15%.

b) Rãnh thoát nước trên đường trục thôn, liên thôn: Ngân sách tỉnh 75%; ngân sách cấp huyện, cấp xã 25%.

c) Rãnh thoát nước trên đường ngõ xóm: Ngân sách tỉnh 70%; ngân sách cấp huyện, cấp xã 30%.

3. Hỗ trợ kinh phí mua xi măng làm kênh mương nội đồng: Ngân sách tỉnh 85%; ngân sách cấp huyện, cấp xã 15%.

**Điều 8.** Phục hồi, nâng cấp mặt đường đối với các xã:

Hỗ trợ 30% kinh phí thực hiện phục hồi, nâng cấp 400 km mặt đường xuống cấp giai đoạn 2022-2025 (mỗi năm tối đa không quá 100 km) bằng vật liệu Cacboncor Asphalt hoặc bê tông nhựa hạt mịn hoặc phủ lớp vật liệu Microsufacing để phủ lên với mức hỗ trợ tối đa không quá 55.000 đồng/m2 (kinh phí mỗi năm ngân sách tỉnh hỗ trợ không quá 20 tỷ đồng); tính hỗ trợ theo chiều rộng thực tế và phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phần còn lại ngân sách huyện xã và người dân đóng góp.

**Điều 9.** Thưởng xã (không áp dụng đối với xã công nhận lại) đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

1. Xã đạt chuẩn nông thôn mới: Thưởng 01 tỷ đồng/xã.

2. Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Thưởng 1,5 tỷ đồng/xã.

3. Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: Thưởng 02 tỷ đồng/xã.

**Điều 10.** Thưởng huyện đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu:

1. Huyện đạt chuẩn nông thôn mới: Thưởng 10 tỷ đồng/huyện.

2. Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Thưởng 7 tỷ đồng/huyện.

3. Huyện chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: Thưởng 5 tỷ đồng/huyện.

**Mục 2**

**CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC XÃ CHƯA ĐẠT CHUẨN**

**Điều 11.** Lắp đặt thiết bị xử lý nước sinh hoạt đối với các hộ gia đình thuộc những vùng không quy hoạch cấp nước tập trung hoặc có quy hoạch nhưng chưa có dự án đầu tư xây dựng trong kỳ: Hỗ trợ 50% kinh phí lắp đặt thiết bị xử lý nước sinh hoạt (công suất thiết bị đạt tối thiểu 240 lít/ngày đêm, chất lượng nước sinh hoạt sau xử lý đạt quy chuẩn hiện hành), tối đa 02 triệu đồng/hộ.

**Mục 3**

**CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH TẠO NGUỒN LỰC XÂY DỰNG**

**HUYỆN HƯƠNG KHÊ VÀ KỲ ANH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI; HUYỆN CAN LỘC, ĐỨC THỌ VÀ THẠCH HÀ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO; HUYỆN NGHI XUÂN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU**

**Điều 12. Tiền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn huyện**

**1. Thu từ Đề án phát triển quỹ đất:**

a) Đề án do cơ quan cấp tỉnh làm chủ đầu tư: Sau khi trừ chi phí đầu tư (tạm tính bằng 55% trên tổng số tiền sử dụng đất thu được và điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh); 45% số thu còn lại (được xem là 100%), điều tiết như sau:

- Phát sinh trên địa bàn huyện Kỳ Anh, Hương Khê: Ngân sách tỉnh 60%, ngân sách huyện 40%;

- Phát sinh trên địa bàn huyện Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Nghi Xuân: Ngân sách tỉnh 100%.

b) Đề án do cấp huyện làm chủ đầu tư: Sau khi trừ chi phí đầu tư (tạm tính bằng 55% trên tổng số tiền sử dụng đất thu được và điều tiết cho ngân sách cấp huyện); 45% số thu còn lại (được xem là 100%):

- Phát sinh trên địa bàn huyện Kỳ Anh, Hương Khê: Ngân sách huyện 100%.

- Phát sinh trên địa bàn huyện Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Nghi Xuân:

+ Phát sinh trên địa bàn xã: Ngân sách tỉnh 30%, ngân sách huyện 70%;

+ Phát sinh trên địa bàn thị trấn: Ngân sách tỉnh 45%, ngân sách huyện 55%.

**2.** **Thu từ quỹ đất giao cho các nhà đầu tư** (sau khi trừ chi phí đầu tư), điều tiết như sau:

a) Phát sinh trên địa bàn huyện Kỳ Anh, Hương Khê: Ngân sách huyện 100%.

b) Phát sinh trên địa bàn huyện Can Lộc, Đức Thọ: Ngân sách tỉnh 60%, ngân sách huyện 40%.

c) Phát sinh trên địa bàn huyện Thạch Hà: NS tỉnh 70%, NS huyện 30% (Áp dụng đến hết năm có quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM nâng cao nhưng tối đa đến hết năm 2025; sau đó áp dụng tỷ lệ của các huyện còn lại).

d) Phát sinh trên địa bàn huyện Nghi Xuân: Ngân sách tỉnh 40%, ngân sách huyện 60%.

**3.** **Thu từ quỹ đất tái định cư các dự án do tỉnh làm chủ đầu tư**: Sau khi trừ chi phí đầu tư (tạm tính bằng 55% trên tổng số tiền sử dụng đất thu được và điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh); 45% số thu còn lại (được xem là 100%), điều tiết như sau:

a) Các dự án có sử dụng nguồn vốn NSTW, trái phiếu Chính phủ: Ngân sách tỉnh 100%.

b) Các dự án sử dụng 100% ngân sách tỉnh:

- Phát sinh trên địa bàn huyện Kỳ Anh, Hương Khê: Ngân sách huyện 100%.

- Phát sinh trên địa bàn huyện Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Nghi Xuân: Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện 50%.

**4. Thu từ khu đất còn lại phát sinh trên địa bàn xã, thị trấn điều tiết như sau:**

a) Phát sinh trên địa bàn huyện Kỳ Anh, Hương Khê:

- Phát sinh trên địa bàn xã: Ngân sách huyện 70%, ngân sách xã 30%;

- Phát sinh trên địa bàn thị trấn: Ngân sách huyện 80%, ngân sách xã 20%.

b) Phát sinh trên địa bàn huyện Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Nghi Xuân:

- Phát sinh trên địa bàn xã: Ngân sách tỉnh 30%, ngân sách huyện 40%, ngân sách xã 30%.

- Phát sinh trên địa bàn thị trấn: Ngân sách tỉnh 30%, ngân sách huyện 50%, ngân sách thị trấn 20%.

**Điều 13.** Hàng năm, trên cơ sở nguồn tăng thu tiền sử dụng đất phần ngân sách tỉnh được hưởng phát sinh trên địa bàn các huyện: Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ và Nghi Xuân; nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh; điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách để xem xét ưu tiên, hỗ trợ thêm nguồn lực cho các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

**Điều 14.** Đối với các huyện Hương Khê, Kỳ Anh phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới:

1. Hỗ trợ kinh phí để thực hiện mỗi năm cho: Huyện Hương Khê để thực hiện 100 km làm mới đường giao thông, rãnh thoát nước và kênh mương nội đồng (Kinh phí mỗi năm ngân sách tỉnh hỗ trợ không quá 15 tỷ đồng); huyện Kỳ Anhđể thực hiện 70 km làm mới đường giao thông, rãnh thoát nước và kênh mương nội đồng (Kinh phí mỗi năm ngân sách tỉnh hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng); mức hỗ trợ: 220 triệu đồng/km đối với đường trục xã, liên xã; 140 triệu đồng/km đối với đường trục thôn, liên thôn; 105 triệu đồng/km đối với đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng; 110 triệu đồng/km đối với rãnh thoát nước hai bên đường giao thông, kênh mương nội đồng (*Ngoài kinh phí hỗ trợ theo chính sách nêu trên*).

2. Hỗ trợ thêm kinh phí phấn đấu các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể: Huyện Kỳ Anh 08 tỷ đồng/năm, Huyện Hương Khê 15 tỷ đồng/năm.

3. Hỗ trợ lại 100% phần ngân sách tỉnh được hưởng từ số vượt thu ngân sách (nếu có) so với kế hoạch của tỉnh giao thu hàng năm của huyện Hương Khê, huyện Kỳ Anh để thực hiện nhiệm xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn.

4. Ưu tiên phân bổ vốn ngân sách Trung ương thực hiện: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Miền núi, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

5. Hàng năm ưu tiên hỗ trợ từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và nguồn kinh phí hợp pháp khác từ ngân sách tỉnh hỗ trợ cho địa phương thực hiện nhiệm xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

**Điều 15.** Các cơ chế, chính sạch tạo nguồn lực xây dựng Kỳ Anh và Hương Khê đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng đến hết năm có quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM; đối với các huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao, kiểu mẫu Can Lộc, Đức Thọ, Thạch Hà và Nghi Xuân áp dụng đến hết năm có quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM nâng cao (hoặc kiểu mẫu) nhưng tối đa đến hết năm 2025; sau đó, áp dụng tỷ lệ (%) điều tiết tiền sử dụng đất giai đoạn 2022-2025 như các huyện Cẩm Xuyên, Vũ Quang và Lộc Hà...

**CHƯƠNG III**

**QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ**

*(Có phụ lục kèm theo)*

**CHƯƠNG IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 16.** **Điều khoản chuyển tiếp:** Các nội dung hỗ trợ quy định tại mục 5 - Các cơ chế hỗ trợ, Nghị quyết số 123/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 và Điều 20, Điều 21, Nghị quyết số 194/2020/NQ-HĐND ngày 24/3/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh nay không được quy định tại Nghị quyết này mà các đối tượng đang thực hiện dở dang, đến 31/12/2021 có khối lượng hoàn thành đảm bảo hồ sơ theo quy định mà chưa được hưởng chính sách thì được áp dụng theo quy định tại Nghị quyết 123/2018/NQ-HĐND và các văn bản hướng dẫn. Huyện Hương Sơn thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 173/2019/NQHĐ ngày 15/12/2019 đến hết năm 2022, từ năm 2023 trở đi áp dụng theo nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu giữa các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2022-2025 như các huyện Cẩm Xuyên, Lộc Hà, Vũ Quang…

**Điều 17. Điều khoản tham chiếu:** Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định trách nhiệm được viện dẫn trong Quy định này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

**Điều 18. Tổ chức thực hiện**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này.

b) Xây dựng dự toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

c) Kiểm tra việc thực hiện chính sách; phát hiện và đề xuất những chính sách cần sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã cân đối, bố trí các nguồn vốn từ ngân sách theo kế hoạch hàng năm để các chính sách được tổ chức thực hiện đầy đủ, có hiệu quả.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Khóa XVII, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ...tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  - Ban Công tác đại biểu UBTVQH;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;  - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;  - Kiểm toán nhà nước khu vực II;  - Bộ Tư lệnh Quân khu IV;  - Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;  - TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;  - Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Các VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;  - TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;  - Trang thông tin điện tử tỉnh;  - Trung tâm Thông tin VP HĐND tỉnh;  - Trung tâm CB-TH VP UBND tỉnh;  - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH**  **Hoàng Trung Dũng** |

**Phụ lục**

**QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ**

**I. Xây dựng kế hoạch**

1. Hàng năm, căn cứ lộ trình thực hiện xây dựng nông thôn mới, soát xét Đề án, UBND cấp huyện rà soát, lập kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách của năm sau theo từng lĩnh vực gửi về các sở, ngành: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải và Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnhtrước ngày 30/9 hàng năm (riêng kế hoạch năm 2022 gửi trước ngày 15/3/2022).

2. Trên cơ sở kế hoạch của các địa phương; các sở, ngành theo lĩnh vực phụ trách soát xét, thẩm định và tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Tài chính, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh trước ngày 15/10 hàng năm (riêng kế hoạch năm 2022 gửi trước ngày 25/3/2022), cụ thể như sau:

- Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, thẩm định và tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt hộ gia đình (Điều 4 Nghị quyết này).

- Sở Xây dựng rà soát, thẩm định và tổng hợp kế hoạch thực hiện chính sách xây dựng công trình vệ sinh tự hoại (Điều 5 của Nghị quyết này).

- Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh rà soát, thẩm định và tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (Điều 6), chính sách thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu (Điều 9), chính sách thưởng huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu (Điều 10) và cơ chế hỗ trợ kinh phí phấn đấu các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới (khoản 2 Điều 14) của Nghị quyết này.

- Sở Giao thông vận tải rà soát, thẩm định và tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí phục hồi, nâng cấp mặt đường (Điều 8), chính sách hỗ trợ kinh phí mua xi măng làm đường giao thông, rãnh thoát nước (khoản 1, khoản 2, Điều 7 và khoản 1, Điều 14) của Nghị quyết này.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, thẩm định, tổng hợp kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ lắp đặt thiết bị xử lý nước sinh hoạt (Điều 11), cơ chế hỗ trợ kinh phí mua xi măng làm kênh mương nội đồng (khoản 3, Điều 7 và khoản 1, Điều 14) của Nghị quyết này.

3. Trên cơ sở kế hoạch dự toán kinh phí thực hiện chính sách từng năm và giai đoạn nghị quyết có hiệu lực, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh soát xét, thẩm định và tổng hợp kế hoạch chung gửi Sở Tài chính trước ngày 10/11 hàng năm để xem xét, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch theo quy định (riêng kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách năm 2022 gửi trước ngày 05/4/2022).

**II. Phân bổ và giao kế hoạch**

1. Căn cứ nguồn kinh phí thực hiện chính sách được HĐND tỉnh quyết định, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách trình UBND tỉnh phê duyệt và giao Kế hoạch kinh phí thực hiện cho các địa phương, đơn vị liên quan.

2. Căn cứ kế hoạch UBND tỉnh giao, UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch hỗ trợ thực hiện chính sách của cấp huyện, đồng thời thực hiện công khai kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách đến tận UBND cấp xã.

3. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch kịp thời, đúng quy định, định kỳ hàng quý, năm báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách.

**III. Cấp phát kinh phí hỗ trợ**

1. Căn cứ kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách được UBND tỉnh giao và quyết định phê duyệt kế hoạch của UBND cấp huyện, Sở Tài chính đề xuất UBND tỉnh cấp ứng tối đa 70% kinh phí theo kế hoạch cho các địa phương chủ động tổ chức thực hiện chính sách; cấp kinh phí theo kế hoạch cho các địa phương chủ động tổ chức thực hiện chính sách tại khoản 2 Điều 14; đến tháng 9 hàng năm các đơn vị đã giải ngân hết nguồn kinh phí thì tiếp tục cho ứng 70% của nguồn kinh phí còn lại.

2. Đến hết ngày 31/12 năm thực hiện, các địa phương, đơn vị tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ chính sách (*Kèm theo quyết định phê duyệt hỗ trợ của địa phương*) theo từng lĩnh vực gửi các Sở, ngành liên quan để thẩm định; trường hợp các địa phương đã hoàn thành khối lượng đảm bảo yêu cầu, các địa phương tổng hợp gửi các Sở, ngành liên quan thẩm định, gửi Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh giải ngân kinh phí.

Trên cơ sở kết quả thực hiện chính sách của các địa phương, đơn vị, các Sở chuyên ngành theo lĩnh vực thực hiện rà soát, thẩm định và tổng hợp gửi Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, đồng thời gửi Sở Tài chính trước ngày 07/01 năm sau; trong đó, kinh phí hỗ trợ xi măng được xác định trên cơ sở khối lượng xi măng thực tế thực hiện (theo quy chuẩn, định mức đối với từng loại đường quy định nhưng không vượt quá kế hoạch tỉnh giao) và giá mua xi măng được xác định theo quy định của Luật Đấu thầu”;

Trên cơ sở kết quả thẩm định của các Sở chuyên ngành, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh soát xét, thẩm định lĩnh vực chính sách do văn phòng phụ trách, đồng thời tổng hợp kết quả thực hiện chính sách gửi Sở Tài chính trước ngày 12/01 năm sau (đối với kết quả thực hiện của năm trước);

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh quyết định cấp kinh phí hỗ trợ cho các địa phương thực hiện chính sách;

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tài chính, UBND tỉnh ban hành quyết định cấp hỗ trợ kinh phí cho các địa phương;

Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định cấp kinh phí của UBND tỉnh, Sở Tài chính thực hiện bổ sung kinh phí (phần còn lại sau khi đã trừ phần kinh phí cấp tạm ứng tại điểm 1 mục này) cho các địa phương để thực hiện chính sách; đồng thời, thu hồi số kinh phí còn thừa (nếu có) về ngân sách tỉnh theo quy định (hoặc kinh phí còn dư sẽ chuyển sang kỳ sau theo quy định của Luật NSNN để tiếp tục thực hiện chính sách theo Nghị quyết này);

Trong vòng 03 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được kinh phí tỉnh cấp, UBND cấp huyện thực hiện giải ngân kịp thời (trước ngày 31/01 năm sau), đúng quy định; trường hợp, sau ngày 31/01 kinh phí chưa được giải ngân tại các cấp ngân sách thì phải thực hiện chuyển nguồn theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước”.

3. Kết thúc năm tài chính, UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện cơ chế huy động nguồn lực thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới gửi Sở Tài chính, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

4. Công khai, minh bạch kết quả hỗ trợ; giải ngân kinh phí và quản lý hồ sơ hỗ trợ:

a) Công khai, minh bạch chính sách hỗ trợ:

Nội dung công khai: Công khai kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách và kết quả phê duyệt hỗ trợ (cụ thể: đối tượng, nội dung và kinh phí hỗ trợ);

Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở HĐND, UBND cấp xã; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã; thông qua thôn trưởng để thông báo bằng văn bản cho Nhân dân biết;

Thời gian công khai: chậm nhất 05 ngày sau khi nhận được các quyết định của cấp có thẩm quyền về giao kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách; quyết định phê duyệt hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân; thời gian công khai ít nhất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công khai.

b) Giải ngân kinh phí hỗ trợ: Căn cứ quyết định phê duyệt hỗ trợ, nguồn kinh phí được cấp, UBND cấp huyện, xã thông báo cho tổ chức, cá nhân được biết và thanh toán kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân kịp thời, đúng quy định chính sách.

c) Quản lý hồ sơ hỗ trợ: Hồ sơ hỗ trợ được lưu trữ tại đơn vị thanh toán và các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ.

**IV. Kiểm tra, giám sát:** Các Sở, ngành theo chức năng nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, giám sát (nếu cần thiết) về việc tổ chức thực hiện chính sách, kết quả thực hiện chính sách tại các địa phương, đơn vị theo quy định của nghị quyết này.

**V. Quy trình, hồ sơ hỗ trợ**

**1. Đối với chính sách hỗ trợ xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt hộ gia đình (công trình)**

1.1. Quy trình thực hiện:

- Hộ gia đình đăng ký, UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ của các đối tượng và hướng dẫn các hộ gia đình tổ chức thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Sau khi thực hiện hoàn thành, hộ gia đình báo cáo gửi UBND cấp xã và trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ thời gian nhận đơn đề nghị, UBND cấp xã thực hiện nghiệm thu công trình.

- Sau khi nghiệm thu, UBND cấp xã tổng hợp danh sách các hộ đủ điều kiện hỗ trợ và các hộ chưa đủ điều kiện gửi UBND cấp huyện soát xét, phê duyệt hỗ trợ theo quy định.

1.2. Hồ sơ hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của hộ gia đình gửi UBND cấp xã (Đơn kèm theo tổng hợp chi phí xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt).

- Biên bản nghiệm thu công trình xử lý nước thải sinh hoạt hoàn thành đưa vào sử dụng (Yêu cầu: Biên bản nghiệm thu cụ thể các điều kiện hỗ trợ và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường so với công trình hoàn thành).

- Quyết định phê duyệt hỗ trợ của cấp UBND cấp huyện.

**2. Đối với chính sách hỗ trợ nhà vệ sinh tự hoại**

2.1. Quy trình thực hiện:

- Hộ gia đình đăng ký, UBND xã tiếp nhận hồ sơ của các đối tượng và hướng dẫn các hộ gia đình tổ chức thực hiện tối thiểu phải đúng quy định theo thiết kế mẫu công trình vệ sinh tự hoại (Sở Xây dựng hướng dẫn) hoặc hộ áp dụng mô hình nhà vệ sinh Dự án CHOBA.

- Sau khi thực hiện hoàn thành, hộ gia đình báo cáo gửi UBND cấp xã và trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ thời gian nhận đơn đề nghị, UBND cấp xã thực hiện nghiệm thu công trình.

- Sau khi nghiệm thu, định kỳ hàng quý UBND cấp xã tổng hợp danh sách các hộ đủ điều kiện hỗ trợ và các hộ chưa đủ điều kiện gửi UBND cấp huyện soát xét, phê duyệt hỗ trợ theo quy định.

- UBND cấp huyện thực hiện phê duyệt hỗ trợ theo quy định.

2.2. Hồ sơ hỗ trợ:

- Đơn đề xuất hỗ trợ của hộ gửi UBND cấp xã (Đơn kèm theo chứng từ chứng minh chi phí lắp đặt thiết bị xử lý nước sinh hoạt).

- Biên bản nghiệm thu xây dựng công trình vệ sinh tự hoại hoàn thành, đưa vào sử dụng.

- Quyết định phê duyệt hỗ trợ của UBND cấp huyện.

**3. Đối với chính sách hỗ trợ lắp đặt thiết bị xử lý nước sinh hoạt**

3.1. Quy trình thực hiện:

- Hộ gia đình đăng ký, UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ của các đối tượng và hướng dẫn các hộ gia đình tổ chức thực hiện.

- Sau khi thực hiện hoàn thành, hộ gia đình gửi đơn đề xuất nghiệm thu hỗ trợ chính sách (kèm hồ sơ, chứng từ hợp lệ để xác định kinh phí thực hiện lắp đặt thiết bị xử lý nước sinh hoạt); trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ thời gian nhận đơn đề nghị, UBND cấp xã thực hiện nghiệm thu.

- Sau khi nghiệm thu, UBND cấp xã tổng hợp danh sách các hộ đủ điều kiện hỗ trợ và các hộ chưa đủ điều kiện gửi UBND cấp huyện soát xét, phê duyệt hỗ trợ theo quy định.

- UBND cấp huyện thực hiện phê duyệt hỗ trợ theo quy định (UBND cấp huyện có thể chọn mẫu kiểm tra trước khi phê duyệt hỗ trợ nếu cần thiết).

3.2. Hồ sơ hỗ trợ:

- Đơn đề xuất hỗ trợ của hộ gửi UBND cấp xã (Đơn kèm theo chứng từ chứng minh chi phí lắp đặt thiết bị xử lý nước sinh hoạt).

- Biên bản nghiệm thu lắp đặt thiết bị xử lý nước sinh hoạt của UBND cấp huyện.

- Quyết định phê duyệt hỗ trợ của cấp UBND huyện.

**4. Đối với xây dựng thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu:**

4.1. Quy trình thực hiện:

- UBND cấp huyện triển khai kế hoạch xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

- UBND cấp xã rà soát khối lượng, lập phương án dự toán kinh phí thực hiện xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu gửi thôn (xóm) bàn bạc kỹ lưỡng, thống nhất bằng biên bản họp thôn (xóm).

- UBND cấp xã hoàn thiện phương án dự toán kinh phí thực hiện xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, tổng hợp đề nghị UBND cấp huyện thẩm định phương án dự toán. Sau khi có kết quả thẩm định của UBND cấp huyện, UBND cấp xã phê duyệt phương án, dự toán thực hiện xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

- Căn cứ phương án - dự toán phê duyệt, UBND cấp xã tổ chức họp thôn, thống nhất triển khai thực hiện xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

- UBND cấp xã tổ chức tự đánh giá, nghiệm thu, tổng hợp kinh phí thực hiện, gửi văn bản đề xuất UBND cấp huyện nghiệm thu công nhận thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh thực hiện chức năng hướng dẫn, giám sát, kiểm tra.

- Trên cơ sở phương án, dự toán được duyệt; UBND cấp xã tổng hợp khối lượng - kinh phí xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu thực hiện và tổ chức họp thôn, thống nhất việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng quy định.

4.2. Hồ sơ hỗ trợ:

- Tờ trình của UBND cấp xã gửi UBND cấp huyện về việc đề xuất hỗ trợ khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt chuẩn.

- Quyết định công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt chuẩn của UBND cấp huyện.

**5. Đối với thưởng xã, huyện: Đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, hoặc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu**

5.1. Quy trình thực hiện:

- Sau khi được cấp có thẩm quyền công bố quyết định công nhận xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao hoặc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí theo chính sách quy định.

- Căn cứ nguồn kinh phí được khen thưởng xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, hoặc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; UBND cấp xã, huyện triển khai việc sử dụng số tiền thưởng xã, huyện đúng quy định.

5.2. Hồ sơ hỗ trợ:

- Tờ trình đề xuất thưởng địa phương đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao hoặc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (Hồ sơ gửi qua UBND cấp huyện), UBND cấp huyện tổng hợp, gửi Sở Tài chính xem xét tham mưu UBND tỉnh cấp kinh phí theo quy định.

- Quyết định công nhận xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, hoặc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

**6. Đối với chính sách hỗ trợ kinh phí mua xi măng làm đường giao thông, rãnh thoát nước, kênh mương nội đồng; hỗ trợ kinh phí phục hồi, nâng cấp mặt đường.**

6.1. Quy trình thực hiện:

6.1.1. Sau 05 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Kế hoạch, UBND cấp huyện phân bổ kế hoạch không vượt quá tổng khối lượng xi măng theo kế hoạch tỉnh giao (riêng chỉ tiêu phục hồi, nâng cấp mặt đường không vượt quá kế hoạch kinh phí được giao).

6.1.2. Sau 05 ngày nhận được kế hoạch UBND cấp huyện giao, UBND cấp xã thực hiện công khai kế hoạch hỗ trợ theo quy định.

6.1.3. Căn cứ kế hoạch được UBND cấp huyện giao, UBND cấp xã lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự toán kinh phí theo quy trình rút gọn theo quy định đặc thù trong xây dựng nông thôn mới (theo hồ sơ thiết kế mẫu đã được UBND tỉnh phê duyệt), đảm bảo phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch đô thị đã được phê duyệt, trình UBND cấp huyện thẩm định. Khi có văn bản thẩm định của UBND cấp huyện, UBND cấp xã phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự toán kinh phí theo quy trình rút gọn theo quy định đặc thù trong xây dựng nông thôn mới (trong đó chi tiết nguồn kinh phí thực hiện: nguồn vốn CTMT QG xây dựng nông thôn mới, nguồn lồng ghép các chương trình mục tiêu, nguồn kinh phí mua xi măng các cấp ngân sách hỗ trợ; nguồn kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ phục hồi, nâng cấp mặt đường, ngân sách cấp huyện, cấp xã hỗ trợ ngoài cơ chế hỗ trợ của tỉnh, nguồn đóng góp của nhân dân).

6.1.4. Căn cứ kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, UBND cấp huyện chủ động lựa chọn đơn vị cung ứng xi măng đủ điều kiện, năng lực, đảm bảo theo quy định của Luật Đấu thầu.

Trên cơ sở kết quả lựa chọn đơn vị cung ứng xi măng, UBND cấp huyện đàm phán, ký hợp đồng kinh tế với đơn vị cung ứng về chủng loại xi măng, giá cả, phương thức thanh toán, cách thức giao nhận và các nội dung có liên quan; UBND cấp xã trực tiếp ký hợp đồng với đơn vị cung ứng về chủng loại xi măng, khối lượng, địa điểm, phương thức giao nhận (thống nhất giữa UBND cấp xã và đơn vị cung ứng) trên cơ sở hợp đồng kinh tế đã ký giữa UBND cấp huyện và đơn vị cung ứng.

Theo tiến độ thực hiện, UBND cấp xã đăng ký nhu cầu, thời gian nhận xi măng gửi UBND cấp huyện để tổng hợp gửi đơn vị cung ứng; trực tiếp nhận xi măng tại địa điểm nhận hàng theo hợp đồng đã ký (lập biên bản giao nhận từng lần, ghi rõ chủng loại xi măng trên bao bì sản phẩm, khối lượng giao nhận; thời gian cung ứng xi măng chậm nhất đến hết ngày 31/12 năm thực hiện.

6.1.5. Tổ chức thi công, nghiệm thu, phê duyệt quyết toán:

- Lựa chọn đơn vị thi công:

+ Đối với cơ chế hỗ trợ kinh phí mua xi măng: UBND cấp xã giao cho cộng đồng dân cư được hưởng lợi trực tiếp từ công trình tự thực hiện. Nếu cộng đồng dân cư không có khả năng hoặc điều kiện thực hiện thì UBND cấp xã xem xét, lựa chọn các tổ chức, cá nhân đủ năng lực thực hiện nhưng phải được sự thống nhất của cộng đồng dân cư (có biên bản họp thống nhất).

+ Đối với phục hồi, nâng cấp mặt đường bê tông xi măng: Chủ đầu tư lựa chọn đơn vị thi công đủ năng lực đảm bảo đúng quy định hiện hành.

- Việc huy động đóng góp của nhân dân thực hiện theo các quy định hiện hành; việc thành lập Ban Giám sát cộng đồng, tổ chức thực hiện việc Giám sát cộng đồng theo quy định.

- Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu vật liệu đầu vào (về chủng loại chất lượng, khối lượng vật liệu), nghiệm thu giai đoạn xây dựng; sau khi công trình hoàn thành phải thực hiện nghiệm thu công trình hoàn thành (nêu rõ chiều dài, chiều rộng, độ dày).

- Căn cứ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự toán kinh phí theo quy trình rút gọn theo quy định đặc thù trong xây dựng nông thôn mới được duyệt, kết quả nghiệm thu hoàn thành từng công trình, Chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán công trình hoàn thành theo quy định (trong đó, chi tiết các nguồn vốn thực hiện: nguồn vốn MTQG xây dựng nông thôn mới, nguồn lồng ghép các chương trình mục tiêu, nguồn kinh phí mua xi măng các cấp ngân sách hỗ trợ, nguồn kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ phục hồi, nâng cấp mặt đường, ngân sách cấp huyện, cấp xã hỗ trợ ngoài cơ chế của tỉnh, nguồn đóng góp nhân dân).

6.1.6. Xác định kinh phí các cấp ngân sách hỗ trợ:

- UBND cấp xã (đối với các công trình do UBND cấp xã làm chủ đầu tư):

+ Hàng tháng, đối chiếu khối lượng xi măng thực giao nhận trong tháng với đơn vị cung ứng (lập biên bản đối chiếu tháng).

+ Hàng quý (trước ngày 05 tháng đầu của quý sau), tổng hợp kết quả nghiệm thu, quyết toán công trình hoàn thành gửi UBND cấp huyện đề nghị kiểm tra, xác định chiều dài; khối lượng xi măng (đối với cơ chế hỗ trợ xi măng); diện tích (đối với cơ chế hỗ trợ phục hồi, nâng cấp mặt đường bê tông xi măng); kinh phí các cấp ngân sách hỗ trợ (kèm theo bảng tổng hợp, biên bản giao nhận xi măng từng lần, từng tháng giữa UBND cấp xã và đơn vị cung ứng).

+ Chậm nhất đến hết ngày 31/12 năm thực hiện, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng về chủng loại, khối lượng xi măng với đơn vị cung ứng.

- UBND cấp huyện:

+ Hàng quý, đối chiếu khối lượng xi măng đơn vị cung ứng đã giao cho các xã, phường, thị trấn trên địa bàn (lập biên bản đối chiếu giao nhận xi măng quý) để làm cơ sở thẩm định khối lượng xi măng được hỗ trợ.

+ Kiểm tra hồ sơ, hiện trạng từng công trình do UBND cấp xã đề nghị (lập biên bản kiểm tra).

+ Tổng hợp kết quả thực hiện cơ chế trên địa bàn (bao gồm cả công trình do UBND cấp huyện, cấp xã làm chủ đầu tư); Báo cáo kết quả thực hiện (chi tiết từng tuyến) gửi Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 31/12 năm thực hiện để làm cơ sở kiểm tra, xác định kinh phí các cấp ngân sách hỗ trợ.

- Cấp tỉnh: Trên cơ sở báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện và đề nghị của UBND cấp huyện, Sở Giao thông Vận tải (đối với hỗ trợ kinh phí mua xi măng làm giao thông nông thôn, rãnh thoát nước; phục hồi nâng cấp mặt đường), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với hỗ trợ kinh phí mua xi măng làm kênh mương nội đồng) kiểm tra hồ sơ, thủ tục, thẩm định kết quả thực hiện và kinh phí các cấp ngân sách hỗ trợ, tổng hợp gửi Sở Tài chính để tham mưu UBND tỉnh quyết định cấp kinh phí theo quy định (giá mua xi măng được xác định trên cơ sở kết quả lựa chọn đơn vị cung ứng của các địa phương theo quy định của Luật Đấu thầu, chủng loại xi măng thống nhất là PCB 40). Kinh phí hỗ trợ xi măng được xác định trên cơ sở kết quả khối lượng thực hiện.

6.2. Hồ sơ hỗ trợ:

- Quyết định giao kế hoạch của UBND cấp huyện cho UBND cấp xã.

- Biên bản kiểm tra của UBND cấp huyện đối với hiện trạng công trình (trước khi đăng ký kế hoạch của UBND cấp xã).

- Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỷ thuật hoặc dự toán kinh phí theo quy trình rút gọn theo quy định đặc thù trong xây dựng nông thôn mới (kèm theo hồ sơ).

- Hợp đồng thi công.

- Biên bản nghiệm thu vật liệu đầu vào, nghiệm thu giai đoạn xây dựng.

- Biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành; trong đó nêu rõ chiều dài, chiều rộng, độ dày từng tuyến đường (riêng hỗ trợ kinh phí mua xi măng, bổ sung thêm khối lượng xi măng sử dụng xây dựng công trình).

- Quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành (kèm theo hồ sơ).

- Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu công trình hoàn thành của UBND cấp huyện đối với UBND cấp xã.

- Các tài liệu liên quan khác: Quyết định thành lập Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn, Nghị quyết công nhận Ban Giám sát cộng đồng.

- Riêng cơ chế hỗ trợ kinh phí mua xi măng: ngoài các hồ sơ trên, kèm theo bảng tổng hợp khối lượng, chủng loại xi măng giao nhận giữa đơn vị cung ứng và UBND cấp xã; kèm theo: Phiếu giao nhận xi măng từng chuyến giữa đơn vị cung ứng và UBND cấp xã (chi tiết chủng loại xi măng, khối lượng, thời gian, địa điểm giao nhận); Biên bản giao nhận xi măng giữa UBND các xã và các thôn.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**